TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2019/DS-ST
Ngày: 22-11-2019
V/v tranh chấp yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hồng Sơn,

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông La Văn Việt,

2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Cương – Công chức Toà án nhân dân huyện Đức Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 338/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974,

Địa chỉ: Số 217/18, B, phường 13, quận 6, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Hoàng D, sinh năm 1990, (có mặt) (văn bản ủy quyền ngày 09/8/2019)

Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn:

1. Ông Mai Văn Hồng, sinh năm 1983, (xin vắng mặt)

2. Bà Mai Thị Gái, sinh năm 1981, (có mặt)

3. Bà Mai Thị Tươi, sinh năm 1984, (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2019 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa ông Thái Hoàng D địa diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 16/01/2018, ông Đ và ông Mai Thành G có ký hợp đồng đặt cọc với nội dung: Ông G chuyển nhượng cho ông Đức 01 phần thửa 500, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp B1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, ngang 8,5 m, dài 20 m, với giá 290.000.000 đồng. Ông Đ đặt cọc cho ông G số tiền 30.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận đến ngày 26/01/2018 sẽ thanh toán tiếp số tiền 260.000.000 đồng và làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông G sang ông Đ. Nếu ông Đ không đưa đủ tiền thì ông Đ sẽ chịu mất tiền đặt cọc, ngược lại nếu ông G thay đổi ý kiến nhượng đất thì phải đền bù gấp 3 lần số tiền đã đặt cọc. Ngày 12/3/2018, ông Đ có đưa cho ông G số 20.000.000 đồng. Ngày 21/5/2018, ông Đ có đưa cho ông G số 20.000.000 đồng. Ngày 30/7/2018, ông Đ có đưa cho ông G số 20.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Đ giao cho ông G là 90.000.000 đồng. Ngày 08/9/2018, ông G chết.

Nay, ông Đ yêu cầu các con ông G: bà Mai Thị G, ông Mai Văn H, bà Mai Thị T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết - ông Mai Thành G để lại, theo đó tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cho ông Đ thửa đất 500, tờ bản đồ số 21, ngang 8,5 mét, dài 20 mét đất tại ấp B1, xã Đ. Tại phiên tòa, ông D đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy giấy nhận tiền cọc "V/v sang nhượng đất" ngày 16/01/2018 giữa ông Mai Thành G và ông Nguyễn Văn Đ, yêu cầu các con của ông G có trách nhiệm trả 90.000.000 đồng tiền đặt cọc và phạt cọc 90.000.000 đồng, tổng cộng 180.000.000 đồng vì ông G hẹn đến 31/8/2018 sẽ hoàn thành thủ tục để hai bên ra công chứng, nhưng ông G không thực hiện được.

Ông G chết để lại có tài sản như sau: Ông G hiện đang đứng tên quyền sử dụng đất thuộc thửa 500, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Hàng thừa kế của Ông G có vợ là bà Trần Thị Kh, sinh năm 1957, chết ngày 20/12/2017, có 3 người con tên Mai Văn H, Mai Thị G, Mai Thị T, cha mẹ ông G đã chết. Do ông G chết không để lại di chúc nên ông Đ yêu cầu những người thừa kế thuộc hàng thừa kế của ông G là bà Mai Thị G, ông Mai Văn H, bà Mai Thị T trả 90.000.000 đồng tiền đặt cọc và phạt cọc 90.000.000 đồng, tổng cộng 180.000.000 đồng.

Bị đơn các bà Mai Thị G, ông Mai Văn H, bà Mai Thị T trình bày:

Ông bà nội chúng tôi là Mai Văn G đã chết cách nay hơn 30 năm và bà Nguyễn Thị M chết ngày 08/5/2018. Mẹ chúng tôi là Trần Thị Kh chết ngày 20/12/2017. Hàng thừa kế thứ nhất của ông G chỉ có ba người con là Mai Văn H, Mai Thị G và Mai Thị T. Ông G hiện đang đứng tên quyền sử dụng đất thuộc thửa 500, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do chúng tôi đang giữ ở nhà, không thế chấp cho cá nhân, tổ chức để vay tiền, không chuyển nhượng cho ai.

Năm 2018, cha chúng tôi có bán cho ông Đ thửa đất số 500, tờ bản đồ số 21, ngang 8,5 mét, dài 20 mét, đất tại ấp B 1, xã Đ với giá 290.000.000 đồng. Cha chúng tôi đã nhận cọc 90.000.000 đồng, anh em chúng tôi biết việc nhận cọc này. Nay ông Đ yêu cầu hủy giấy nhận tiền cọc "V/v sang nhượng đất" ngày 16/01/2018 giữa ông Mai Thành G và ông Nguyễn Văn Đ, yêu cầu chúng tôi trả số tiền 90.000.000 đồng tiền đặt cọc và phạt cọc 90.000.000 đồng, tổng cộng 180.000.000 đồng thì chúng tôi chỉ đồng ý hủy giấy nhận tiền cọc "V/v sang nhượng đất" ngày 16/01/2018 giữa ông Mai Thành G và ông Nguyễn Văn Đ và trả số tiền 90.000.000 đồng tiền đặt cọc, không đồng ý phạt cọc 90.000.000 đồng. Bởi vì ông G chết ngày 08/9/2018, các con của ông G đang cố gắng làm thủ tục chuyển nhượng cho ông Đ thì ông Đ khởi kiện nên việc chuyển nhượng không thực hiện được.

Do bị bệnh nên ông Mai Văn H xin vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định. Bị đơn không hợp tác để giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự có mặt đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Nguyên đơn có thiện chí thực hiện hợp đồng. Bị đơn có làm hồ sơ chuyển nhượng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ngày 02/4/2019, ông Nguyễn Văn Đ nộp đơn khởi kiện yêu cầu hàng thừa kế của ông Mai Thành G, chết ngày 08/9/2018, tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại" nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm và vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Văn H có lời khai xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Hồng là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1]. Theo Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 01/11/2019 thì ông D đại diện nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Mai Thị G, ông Mai Văn H, bà Mai Thị T tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cho ông Đ một phần thửa đất 500, tờ bản đồ số 21, ngang 8,5 mét, dài 20 mét đất tại ấp B 1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Tuy nhiên tại phiên tòa, ông D đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy giấy nhận tiền cọc "V/v sang nhượng đất" ngày 16/01/2018 giữa ông Mai Thành G và ông Nguyễn Văn Đ, yêu cầu các con của ông G có trách nhiệm trả 90.000.000 đồng tiền đặt cọc và phạt cọc 90.000.000 đồng, tổng cộng 180.000.000 đồng. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

[2.2]. Tại phiên tòa, đương sự có mặt không xuất trình, giao nộp thêm chứng cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được công khai tại phiên họp về kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 01/11/2019, để xét xử vụ án.

[2.3]. Theo giấy nhận tiền cọc "V/v sang nhượng đất" ngày 16/01/2018 thì ông Mai Thành G và ông Nguyễn Văn Đ đã giao kết hợp đồng đặt cọc để đảm bảo việc giao kết hợp đồng chuyển nhượng thửa 500, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp B1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, ngang 8,5m, dài 20m. Hợp đồng đặt cọc được giao kết xuất phát từ ý chí tự nguyện của các bên; mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 328 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết.

[2.4]. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều thừa nhận ngày 16/01/2018, ông Đ và ông Mai Thành G có ký hợp đồng đặt cọc với nội dung: Ông G chuyển nhượng cho ông Đức 01 phần thửa 500, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại ấp B 1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, ngang 8,5 m, dài 20 m, với giá 290.000.000 đồng. Ông Đ đặt cọc cho ông G số tiền 30.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận đến ngày 26/01/2018 sẽ thanh toán tiếp số tiền 260.000.000 đồng và làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông G sang ông Đ. Nếu ông Đ không đưa đủ tiền thì ông Đ sẽ chịu mất tiền đặt cọc, ngược lại nếu ông G thay đổi ý kiến nhượng đất thì phải đền bù gấp 3 lần số tiền đã đặt cọc. Sau đó, ông Đ có đưa thêm cho ông G số 60.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Đ giao cho ông G là 90.000.000 đồng. Ông G chết vào ngày 08/9/2018.

Ông D đại diện nguyên đơn yêu cầu hủy bỏ giấy nhận tiền cọc "V/v sang nhượng đất" ngày 16/01/2018 giữa ông G với ông Đ và yêu cầu bị đơn trả cho ông Đ số tiền đặt cọc 90.000.000 đồng. Bị đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông D đại diện nguyên đơn cho rằng ông G hẹn đến 31/8/2018 sẽ hoàn thành thủ tục để hai bên ra công chứng, nhưng ông G không thực hiện là vi phạm hợp đồng. Bị đơn cho rằng do ông G chết ngày 08/9/2018, các con của ông G đang cố gắng làm thủ tục chuyển nhượng cho ông Đ thì ông Đ khởi kiện nên việc chuyển nhượng không thực hiện được. Tuy nhiên lời trình bày của hai bên đều không có chứng cứ chứng minh.

Xét thấy việc hai bên không thực hiện hợp đồng chuyển nhượng là do ông G chết, đây là trường hợp khách quan nên bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu phạt cọc 90.000.000 đồng.

[3]. Quan điểm của của Kiểm sát viên tại phiên Tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[4]. Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là 7.000.000 đồng, ông Đ đã nộp tạm ứng. Mỗi bên phải chịu ½ nên buộc bị đơn nộp 3.500.000 đồng để hoàn lại cho ông Đ.

[5]. Về án phí: Ông Mai Văn H, bà Mai Thị G, bà Mai Thị T liên đới nộp 4.800.000 đồng (300.000 đồng hủy giấy nhận cọc, 4.500.000 đồng trả tiền cọc) án phí dân sự sơ trong phạm vi tài sản ông Mai Thành G chết để lại. Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng theo biên lai số 0004474 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, buộc ông Đ phải nộp tiếp 3.250.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 357, Điều 468, Điều 615, Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ đối với bị đơn ông Mai Văn H, bà Mai Thị G, bà Mai Thị T về việc tranh chấp "Yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại".

Hủy giấy nhận tiền cọc "V/v sang nhượng đất" ngày 16/01/2018 giữa ông Nguyễn Văn Đ và ông Mai Thành G.

Buộc ông Mai Văn H, bà Mai Thị G, bà Mai Thị T liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), trong phạm vi tài sản do ông Mai Thành G chết để lại.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc yêu cầu ông Mai Văn H, bà Mai Thị G, bà Mai Thị T liên đới trả tiền phạt cọc 90.000.000 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là 7.000.000 đồng, ông Đ đã nộp tạm ứng. Mỗi bên phải chịu ½ nên buộc bị đơn nộp 3.500.000 đồng để hoàn lại cho ông Đ.

3. Về án phí: Ông Mai Văn H, bà Mai Thị G, bà Mai Thị T liên đới nộp 4.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong phạm vi tài sản ông Mai Thành G chết để lại. Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng theo biên lai số 0004474 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, ông Đ còn phải nộp tiếp 3.250.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

4. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu HS, Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Hồng Sơn

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hồng Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 10 năm 2018

Tại Phòng nghị án Toà án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tám

2. Bà Trần Thị Hưởng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 307/2018/TLST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2018/QĐST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Doãn Hữu Lộc, sinh năm 1965

Địa chỉ: số 3A63/6, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Võ Văn Tư, sinh năm 1929

Địa chỉ: ấp 1, xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Minh Tuấn – Luật sư Công ty Luật TNHH A.B.C, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: số 7-9, Đường 65, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

ăn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về áp dụng pháp luật: Biểu quyết 03/03.

Áp dụng Điều 26, 35, 39 và các Điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Áp dụng Điều 117, 328 của Bộ luật dân sự năm 2015

2. Về nội dung tranh chấp: Biểu quyết 03/03.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Doãn Hữu Lộc với bị đơn ông Võ Văn Tư.

Buộc ông Võ Văn Tư phải trả cho ông Doãn Hữu Lộc số tiền cọc là 130.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 130.000.000 đồng; tổng cộng là 260.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong nếu bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí và chi phí tố tụng: Biểu quyết 03/3.

Ông Võ Văn Tư được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm.

Trả lại cho ông Doãn Hữu Lộc tiền tạm ứng án phí đã nôp là 6.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0006989 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

4. Về quyền kháng cáo và thi hành án: Biểu quyết 03/3.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Ý kiến khác của hội đồng xét xử: Không có.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 10 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**